

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Nguyễn Văn Vũ An⁽¹⁾ - Nguyễn Trường An⁽²⁾ - Phạm Chí Hiếu⁽³⁾

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu của bài viết này là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Bài viết ứng dụng mô hình Probit để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ và mô hình Tobit xác định các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. Kết quả ước lượng hai mô hình cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng và số tiền tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ là trình độ học vấn, số năm sinh sống tại địa phương và mở rộng quy mô sản xuất.

• Từ khóa: mô hình Tobit, tín dụng, mô hình hồi quy probit.

ABSTRACT

The objective of this paper is to analyze the factors influencing the access to official credit of white shrimp farmers in Cau Ngang district, Tra Vinh province. The article uses the Probit model to determine the factors that affect the farmer's access to official credit and the Tobit model that determines the factors that affect the amount of official credit access of the farmer. The results of the two models show that the factors influencing the household's ability and access to credit are the educational attainment, the number of years living in the location and the scale of production.

• Keywords: tobit model, credit, probit regression model.

Vấn đề tiếp cận tín dụng chính thức tại các vùng nông thôn đang là mối quan tâm thường xuyên của Chính phủ lẫn các nhà nghiên cứu hiện nay. Nếu dễ tiếp cận tín dụng chính thức thì các nông hộ sẽ ít có động cơ tham gia các hoạt động tín dụng khác vì các tổ chức tín dụng chính thức là địa chỉ an toàn và rất chuyên nghiệp trong việc đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng, cung cấp các khoản vay có lãi suất phù hợp thúc đẩy sự phát triển kinh tế

trong nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, tiếp cận tín dụng chính thức sẽ mang một vai trò rất quan trọng trong việc sản xuất của nông hộ ở nông thôn trong quá trình hội nhập hiện nay.

Thị trường tín dụng nông thôn ở nước ta nói chung và ở huyện Cầu Ngang nói riêng được hình thành từ rất lâu. Cho đến nay, nguồn tín dụng chính thức chưa đáp ứng đủ nhu cầu của các nông hộ do các tổ chức tín dụng ngần ngại cho vay vì ngại rủi ro. Vì vậy, các nông hộ

phải vay vốn phi chính thức để đáp ứng nhu cầu chi tiêu phát sinh hàng ngày cũng như nhu cầu vốn cho sản xuất. Mục tiêu của bài viết là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn.

Số liệu sử dụng

Số liệu sử dụng trong bài viết là số liệu sơ cấp được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi tại huyện Cầu Ngang theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Cuộc điều

⁽¹⁾ Ths - Trường Đại học Trà Vinh

⁽²⁾ Ths - Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang

⁽³⁾ Ths - Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang

tra được tiến hành vào tháng 6/2016 với đối tượng phỏng vấn là 212 nông hộ có tham gia và không có tham gia vay vốn tín dụng chính thức. Trong đó, số nông hộ có tham gia vay vốn tín dụng chính thức là 133 hộ (chiếm 62,7% tổng số), số nông hộ không tham gia vay vốn là 79 hộ (chiếm 37,3% tổng số).

Phương pháp phân tích số liệu

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng, bài viết sử dụng mô hình Probit. Một cách cụ thể, mô hình Probit có dạng như sau:

$$Y_{1i} = \beta_0 + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \beta_4 X_{4i} + \beta_5 X_{5i} + \beta_6 X_{6i} + \varepsilon_i$$

Bảng 1. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu các hệ số β_i mô hình Probit

Tên biến	Diễn giải ý nghĩa của biến	Kỳ vọng về dấu	Cơ sở chọn biến
X_1	Trình độ học vấn của chủ hộ (lớp)	+	Nguyễn Phương Lê và Nguyễn Mậu Dũng (2011)
X_2	Số năm sinh sống tại địa phương (năm)	+	Hoàng Công Thắng (2010)
X_3	Diện tích ao nuôi (ha)	-	Bùi Thị Minh Thơ (2010)
X_4	Thu nhập (triệu đồng)	+	Ongena và Smith (2000)
X_5	Kinh nghiệm nuôi tôm của hộ (năm)	+	Nguyễn Quốc Nghi (2010)
X_6	Mở rộng quy mô sản xuất, nhận giá trị 1 nếu nông hộ tăng diện tích đất nuôi, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+	Trần Quốc Trung (2009)

Bảng 2. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu các hệ số β_i mô hình Tobit

Tên biến	Diễn giải ý nghĩa của biến	Kỳ vọng về dấu	Cơ sở chọn biến
Z_1	Trình độ học vấn của chủ hộ (lớp)	+	Nguyễn Phương Lê và Nguyễn Mậu Dũng (2011)
Z_2	Diện tích đất nuôi tôm (ha)	-	Bùi Thị Minh Thơ (2010)
Z_3	Thủ tục, nhận giá trị 1 nếu thủ tục vay đơn giản, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	-	Phạm and Izumida (2002)
Z_4	Giá trị tài sản thế chấp (triệu đồng)	-	Lê Khương Ninh (2011)
Z_5	Thu nhập (triệu đồng)	+	Ongena và Smith (2000)
Z_6	Kinh nghiệm nuôi tôm (năm)	+	Nguyễn Quốc Nghi (2010)
Z_7	Mở rộng quy mô sản xuất, nhận giá trị 1 nếu hộ có mở rộng quy mô sản xuất, nhận giá trị 0 nếu ngược lại	+	Trần Quốc Trung (2009)
Z_8	Số năm sinh sống tại địa phương (năm)	+	Hoàng Công Thắng (2010)

Trong đó:

Y_1 là khả năng tiếp cận tín dụng chính thức (nhận giá trị 1 nếu hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tiếp cận được tín dụng chính thức và nhận giá trị 0 nếu ngược lại).

$X_1, X_2, X_3, X_4, X_5, X_6$ là các biến độc lập (biến giải thích). Các biến này được định nghĩa và diễn giải chi tiết ở Bảng 1.

Đề tài ứng dụng mô hình Tobit để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền vay tín dụng chính thức của nông hộ. Theo Gujarati (2004), Tobit là mô hình phù hợp nhất có thể sử dụng để ước lượng ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc nếu giá trị của biến phụ thuộc bị kiểm duyệt hay không được phép nhỏ hơn một

giá trị nhất định nào đó. Trong trường hợp bài viết này, giá trị của biến phụ thuộc (đó là số tiền vay tín dụng chính thức) chỉ có thể lớn hơn hoặc bằng không bởi nông hộ có thể vay hay không vay. Mô hình Tobit (còn gọi là mô hình chặn) có dạng như sau:

$$Y_{2i} = \beta_0 + \beta_1 Z_{1i} + \beta_2 Z_{2i} + \beta_3 Z_{3i} + \beta_4 Z_{4i} + \beta_5 Z_{5i} + \beta_6 Z_{6i} + \beta_7 Z_{7i} + \beta_8 Z_{8i} + \varepsilon_i$$

Trong đó:

Y_2 là số tiền vay tín dụng chính thức (triệu đồng).

$Z_1, Z_2, Z_3, Z_4, Z_5, Z_6, Z_7, Z_8$ là các biến độc lập (biến giải thích). Các biến này được định nghĩa và diễn giải chi tiết ở Bảng 2.

Kết quả và thảo luận

Trong 212 nông hộ được khảo sát, số nông hộ tiếp cận được tín dụng chính thức là 133 hộ (chiếm 62,7%), số nông hộ không tiếp cận tín dụng chính thức là 79 hộ (chiếm 37,3%).

Theo thực tế tại địa bàn nghiên cứu, các nông hộ vay vốn tín dụng chính thức chiếm tỷ lệ cao hơn so với các nông hộ không vay vốn tín dụng chính thức. Trong các nông hộ tiếp cận được tín dụng chính thức, những nông hộ sinh sống tại địa phương có khả năng tiếp cận tín dụng cao hơn những nông hộ từ nơi khác đến.

Qua nghiên cứu thực tế, hầu hết chủ hộ biết chữ, trung bình là lớp 8. Những nông hộ được khảo sát đa số sống từ nhỏ tại địa phương, trung bình là 40 năm, thấp nhất là 10 năm và cao nhất là 69 năm nên có mối quan hệ hàng xóm láng giềng tạo cơ hội chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau về

phương pháp nuôi tôm. Nông hộ có kinh nghiệm nuôi tôm trung bình được 6 năm, nhiều trường hợp lên đến 11 năm.

Theo khảo sát thực tế, trong 212 nông hộ được khảo sát thì có 90 nông hộ muốn mở rộng quy mô sản xuất chiếm tỷ trọng 42,5%, còn lại 122 nông hộ (chiếm 57,5%) không mở rộng quy mô sản xuất (chủ yếu là do không còn diện tích đất trống để mở rộng). Diện tích đất nuôi tôm trung bình là 0,9 ha, thấp nhất là 0,1 ha và cao nhất là 2 ha. Bên cạnh đó, thu nhập trung bình năm của nông hộ là 434,3 triệu đồng, có trường hợp đặc biệt lên đến 1.100 triệu đồng.

Theo kết quả hồi quy, các giá trị Pseudo $R^2 = 0,5294$, LR $\chi^2 = 23,43$, hệ số tương quan Spearman giữa các biến đều $< 0,6$ nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Vì vậy, mô hình có ý nghĩa thống kê và phù hợp.

Kết quả ước lượng được trình bày ở Bảng 3 cho thấy trong số 6 biến đưa vào mô hình thì 3 biến có ý nghĩa thống kê ở mức dưới 10%. Trong đó, mở rộng quy mô sản xuất có ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ, kể đến là số năm sinh sống tại địa phương và cuối cùng là biến trình độ học vấn. Cụ thể, những hộ có trình độ học

vấn ở địa phương có xác suất tiếp cận tín dụng cao hơn 11,2% so với các hộ khác, số năm sinh sống của các hộ tại địa phương tăng 1 năm thì khả năng tiếp cận tín dụng chính thức tăng thêm 26,2%, hộ mở rộng quy mô sản xuất có khả năng tiếp cận tín dụng chính thức cao hơn những hộ không có mở rộng quy mô sản xuất là 28,8% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Bài viết chưa phát hiện các yếu tố diện tích đất nuôi tôm, kinh nghiệm nuôi tôm, thu nhập ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng trên địa bàn nghiên cứu.

Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy Probit

Biến số	Hệ số ước lượng	Tác động biên dy/dx	Giá trị thống kê Z
Hằng số (C)	0,092	0,172	1,39
Trình độ học vấn (X_1)	0,598	0,112	2,18*
Số năm sinh sống tại địa phương (X_2)	0,139	0,262	2,16***
Diện tích đất nuôi tôm (X_3)	-1,224	-0,229	-1,05
Thu nhập (X_4)	0,003	0,006	1,25
Kinh nghiệm nuôi tôm (X_5)	0,157	0,029	0,99
Mở rộng quy mô sản xuất (X_6)	0,080	0,288	0,91***
Pseudo R^2 : 0,5294			
LR χ^2 : 23,43***			
Số quan sát: 212			

Ghi chú: *, *** lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức α là 10%, 1%.

Nguồn: Tính toán từ số liệu tác giả khảo sát, 2016

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy Tobit

Biến số	Hệ số ước lượng	Tác động biên dy/dx	Giá trị thống kê t
Trình độ học vấn (Z_1)	103,377	8,168	2,14**
Diện tích đất nuôi tôm (Z_2)	-32,293	-128,879	-0,16
Thu nhập (Z_3)	0,008	-0,261	0,02
Kinh nghiệm nuôi tôm (Z_6)	29,195	-12,460	0,72
Mở rộng quy mô sản xuất (Z_7)	46,473	143,052	0,18***
Số năm sinh sống tại địa phương (Z_8)	24,819	2,230	2,39**
Pseudo R^2 : 0,0860			
LR χ^2 : 18,15*			
Số quan sát: 212			

Ghi chú: **, *** lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức α là 5% và 1%.

Nguồn: Tính toán từ số liệu tác giả khảo sát, 2016

Sau khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ, nghiên cứu tiếp tục xác định các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. So với mô hình được trình bày ở phương pháp nghiên cứu thì các biến giải thích: thủ tục, tài sản thế chấp bị loại khỏi mô hình do xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến với các biến còn lại.

Theo kết quả hồi quy, các giá trị Pseudo $R^2 = 0,0860$, LR $\chi^2 = 18,15$, Prob $> \chi^2 = 0,0059$ và hệ số tương quan Spearman giữa các biến đều $< 0,6$ nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Vì vậy, mô hình có ý nghĩa thống kê và phù hợp.

Kết quả ước lượng ở bảng 4 cho thấy rằng trong số 6 biến đưa vào mô hình thì 3 biến có ý nghĩa thống kê ở mức dưới 10%. Trong đó, mở rộng quy mô sản xuất có ảnh hưởng mạnh nhất đến số tiền tiếp cận

(Xem tiếp trang 56)

viên HĐQT tham gia điều hành của công ty; Chức danh chủ tịch HĐQT và tổng giám đốc do cùng một người đảm nhận; Qui mô HĐQT công ty.

- Nhóm các yếu tố thuộc về cấu trúc sở hữu: Sở hữu của cổ đông nước ngoài; Sở hữu nhà nước.

- Nhóm các yếu tố thuộc về đặc điểm công ty: Qui mô công ty; Đòn bẩy tài chính; Khả năng sinh lời; Thời gian hoạt động; Lĩnh vực hoạt động.

Như vậy, tác động của các yếu tố thuộc đặc điểm tổ chức phát hành tới chất lượng công bố thông tin trên thị trường OTC Việt Nam là khoảng trống cho các nghiên cứu tiếp theo. Do vậy, trong thời gian tới, cần có các nghiên cứu nhiều hơn tập

trung vào 3 nhóm yếu tố này, qua đó thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận thông tin của các chủ thể liên quan như: cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác kinh doanh, các tổ chức tài chính liên quan, các nhà đầu tư, các nhà phân tích tài chính chuyên nghiệp, các chuyên gia tư vấn và công nhân viên của công ty. Đồng thời, góp phần nâng cao chất lượng công bố thông tin trên thị trường OTC, tạo nên sự phát triển bền vững, minh bạch và hấp dẫn trong mắt nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo:

Ngô Thu Giang (2014), "Tác động của các yếu tố thuộc đặc điểm công ty niêm yết tới mức độ công bố thông tin và hệ quả của nó", Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Phạm Ngọc Toàn, Hoàng Thị Thu Hoài (2015), "Ảnh hưởng của đặc điểm công ty đến mức độ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh", Tạp chí Phát triển kinh tế, 26(4), 87-103.

Nguyễn Công Phương, Nguyễn Thị Thanh Phương (2014), "Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tài chính của công ty niêm yết", Tạp chí Phát triển Kinh tế 287 (09).

Trần Thị Thanh Tú (2014), "Xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công bố thông tin của công ty niêm yết", Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 30, số 03.

Beattie, V. and Me Innes, w. and Feamley, s. (2004). "A methodology for analyzing and evaluating narratives in annual reports: a comprehensive descriptive profile and metrics for disclosure quality attributes", Accounting Forum 28 (3) 205-236.

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận...

(Xem tiếp trang 40)

tín dụng chính thức của nông hộ, kể đến là trình độ học vấn của chủ hộ và cuối cùng là số năm sinh sống tại địa phương. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi.

Những hộ có chủ hộ trình độ học vấn cao có khả năng tự làm đơn, tự xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như đáp ứng các thủ tục vay phức tạp khác. Ngoài ra, các hộ này có sự am hiểu về kỹ thuật sản xuất và thông tin thị trường nên số tiền tiếp cận tín dụng chính thức sẽ cao hơn những hộ có chủ hộ trình độ học vấn thấp. Giống như kết quả mô hình Probit, nông hộ sống tại địa phương lâu năm, có mở rộng diện tích sản xuất dễ dàng tiếp cận tín dụng chính thức với số tiền cao hơn những hộ khác.

Kết luận

Bài viết xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Bài viết ứng dụng mô hình Probit để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ và mô hình Tobit xác định các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ. Kết quả ước lượng hai mô hình cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng và số tiền tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ là trình độ học vấn, số năm sinh sống tại địa phương và mở rộng quy mô sản xuất. Trong đó, biến mở rộng quy mô sản xuất có ảnh hưởng mạnh nhất đến khả

năng và số tiền tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ.

Tài liệu tham khảo:

Bùi Thị Minh Thơ (2010). Phân tích khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Luận văn tốt nghiệp đại học, Đại học Cần Thơ.

Gujara, D.N. (1995). Basic econometrics. Third Edition, McGraw - Hill International Edition.

Hoàng Công Thắng (2010). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng nhằm mục đích giảm nghèo của đồng bào dân tộc M'Nông tỉnh Đắk Nông. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương (2011). Phân tích các yếu tố quyết định lượng vốn vay chính thức của hộ nông dân ở tỉnh An Giang. Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 60, trang 8-15.